TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05 -11-2019
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Bùi Thị Hồng Thu**.

2. Ông **Trần Hoàng Việt**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Sa The** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Ông **Lý Út Hoài** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Yến P**, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Số C, ấp C, xã Đ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Thái Văn V**, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Số D, ấp C, xã Đ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-7-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Yến P trình bày:

Vào năm 2004, bà Phạm Thị Yến P và ông Thái Văn V sau thời gian quen biết, tìm hiểu đã quyết định tiến tới hôn nhân. Bà Phạm Thị Yến P và ông Thái Văn V đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 01/2004 ngày 27-10-2004. Sau khi kết hôn

vợ chồng bà P ông V sống tại nhà của ông V tại số nhà 310, ấp C, xã Đ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông V ham chơi, không chăm lo đến gia đình, không chí thú làm ăn. Từ đó vợ chồng mâu thuẫn kéo dài. Bà P đã cho ông V nhiều cơ hội sửa đổi để giữ hạnh phúc gia đình với mong muốn các con có cha mẹ đầy đủ. Tuy nhiên ông V không sửa đổi, bà P đã quá sức chịu đựng nên đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại số 304, ấp C, xã Đ để sinh sống cho đến nay. Kể từ tháng 5 năm 2018 vợ chồng bà P ông V đã ly thân cho đến nay. Vợ chồng bà P ông V có hai con chung tên Thái Thị Yến L, sinh ngày 21-4-2006 và Thái Văn K, sinh ngày 09-10-2013. Hiện cả hai con chung đang sống cùng với bà P. Bà P xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Nay bà Phạm Thị Yến P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Yến P yêu cầu được ly hôn với ông Thái Văn V.

- Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị Yến P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Thái Thị Yến L, sinh ngày 21-4-2006 và Thái Văn K, sinh ngày 09-10-2013 đến khi thành niên và không yêu cầu ông V cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Yến P xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung đối với ông V.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị Yến P xác định giữa bà và ông V không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung đối với ông V.

Kèm theo đơn khởi kiện bà Phạm Thị Yến P đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 01/2004 Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 27-10-2004;

+ Bản sao có chứng thực Giấy khai sinh số 359, quyển số 02/TP2006, ngày 29-12-2006 mang tên Thái Thị Yến L, sinh ngày 21-4-2006;

+ Bản sao có chứng thực Giấy khai sinh số 374/2013, quyển số 01/2013, ngày 12-11-2013 mang tên Thái Văn K, sinh ngày 09-10-2013;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Thái Văn V. Nhưng ông Thái Văn V thường xuyên không có mặt tại nhà nên và không có người nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành ghi ý kiến của con chung để xác định nguyện vọng đối với cháu Thái Thị Yến L: Cháu Linh đã trình bày hiện nay ban ngày thì sống cùng với mẹ, tối đến thì qua bên nhà của cha ngủ vì hai nhà gần nhau. Cháu có nguyện vọng được sống cùng với cha vì cháu rất mến cha.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị Yến P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Thái Văn V; Yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung tên Thái Thị Yến L, sinh ngày 21-4-2006 và Thái Văn K, sinh ngày 09-10-2013 đến khi thành niên

và không yêu cầu ông V cấp dưỡng cho con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Đối với ý kiến của cháu Thái Thị Yến L cho rằng là ban ngày ở cùng mẹ, tối về ngủ với cha là chưa chính xác. Vì thỉnh thoảng mới qua nhà của cha, nhưng ngủ với bà nội. Do không muốn bà P và ông V ly hôn nên cháu Linh mới đưa ra nguyện vọng sống với cha. Ông V thường xuyên không có mặt tại nhà. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Phạm Thị Yến P và ông Thái Văn V không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Yến P cho vợ chồng bà P ông V ly hôn. Về con chung giao cho bà Phạm Thị Yến P trực tiếp nuôi dưỡng và ông V không phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Phạm Thị Yến P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 15-7-2019, bà Phạm Thị Yến P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông Thái Văn V có nơi cư trú tại số D, ấp C, xã Đ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Thái Văn V vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thị Yến P:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2004 bà Phạm Thị Yến P và ông Thái Văn V sau thời gian quen biết, tìm hiểu đã kết hôn cũng tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Long Phú cấp giấy chứng nhận kết hôn số

107 quyển số 01/2004, ngày 27-10-2004. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Yến P và ông Thái Văn V là hợp pháp.

[3.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng bà P ông V sống bên gia đình cha mẹ của ông V tại số 310, ấp C, xã Đ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông V ham chơi, không chăm lo đến gia đình, không chí thú làm ăn. Từ đó vợ chồng mâu thuẫn kéo dài. Bà P đã cho ông V nhiều cơ hội sửa đổi để giữ hạnh phúc gia đình với mong muốn các con có cha mẹ đầy đủ. Tuy nhiên vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Nguyên nhân do ông V ham chơi, không chịu sửa đổi tính tình, chăm lo cuộc sống cho vợ chồng. Bà Phạm Thị Yến P đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại số 304, ấp C, xã Đ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng để sinh sống cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng cho đến nay. Tại phiên toà bà P khai không còn tình cảm với ông V và cương quyết xin ly hôn, ông V mặc dù chưa thể hiện ý kiến, nhưng thời gian ly thân cũng như quá trình Tòa án thu thập chứng cứ ông V bỏ mặc không đến tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu mà nguyên đơn đưa ra. Điều đó chứng tỏ tình cảm của ông V đối với bà P cũng không còn. Do đó cuộc sống chung của bà P ông V không thể tiếp tục do không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Yến P cho bà P được ly hôn với ông Thái Văn V.

[3.3] Về con chung: Theo các giấy khai sinh và lời trình bày của bà Phạm Thị Yến P xác định vợ chồng bà P ông V có hai người con chung tên Thái Thị Yến L, sinh ngày 21-4-2006 và Thái Văn K, sinh ngày 09-10-2013. Nên có cơ sở xác định vợ chồng bà P ông V có hai người con chung tên Thái Thị Yến L, sinh ngày 21-4-2006 và Thái Văn K, sinh ngày 09-10-2013. Bà Phạm Thị Yến P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Thái Thị Yến L, sinh ngày 21-4-2006 và Thái Văn K, sinh ngày 09-10-2013 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Thái Văn V phải cấp dưỡng cho con chung. Vấn đề này Hội đồng xét xử xét thấy rằng ông V từ khi thụ lý vụ án đến nay chưa thể hiện ý kiến hay đưa ra yêu cầu về việc nuôi con. Cháu Thái Thị Yến L có nguyện vọng được sống với cha do mến cha. Hiện nay cháu Thái Văn K chưa được 07 tuổi, lúc cha mẹ ly thân nhau cho đến nay, cả hai chung sống với mẹ đã ổn định. Ông V từ lúc vợ chồng ly thân nhau cho đến nay ông V không tới lui chăm sóc con, điều đó chứng tỏ ông không quan tâm cũng như có nguyện vọng trong việc nuôi dưỡng các con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P giao cháu Thái Văn K và Thái Thị Yến L cho bà Phạm Thị Yến P được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

[3.4] Về cấp dưỡng: Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng do ông V là người không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở. Do bà Phạm Thị Yến P xác định không yêu cầu ông Thái Văn V phải cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nhưng ông V có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Yến P xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Phạm Thị Yến P xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Phạm Thị Yến P chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Thái Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Phạm Thị Yến P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Thái Văn V có quyền kháng cáo bản này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Yến P.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Yến P được ly hôn với ông Thái Văn V. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Yến P ông Thái Văn V theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 01/2004 Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 27-10-2004 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Thái Thị Yến L, sinh ngày 21-4-2006 và Thái Văn K, sinh ngày 09-10-2013 (hiện nay Thái Thị Yến L và Thái Văn K đang sống chung với bà Phạm Thị Yến P) cho bà Phạm Thị Yến P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ông Thái Văn V không phải cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Thái Văn V mà không ai được cản trở. Ông Thái Văn V không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Phạm Thị Yến P.

3/ Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Yến P xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Phạm Thị Yến P xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Yến P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002930, ngày 08-01-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (bà P đã thực hiện xong). Ông Thái Văn V không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Bà Phạm Thị Yến P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Thái Văn V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- UBND thị trấn L, huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thái Ngọc